

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày: 11/5/2021

“*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Kinh**

Bà Đào Phương Mai

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Lê - Thư ký Tòa án ND quận Hoàn Kiếm.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2020/TLST- DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-DS ngày 30/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐST-DS ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ. Trụ sở: Số 35, HV, phường LTT, quận HK, HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đ. T. - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn C. - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh TA (Theo quyết định ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/08/2019)

Ủy quyền lại cho: Ông Huỳnh Thanh T. – Phó giám đốc chi nhánh; Bà Nguyễn Thị H. – Trưởng phòng phụ trách phòng quản lý rủi ro; Bà Cao Kim P. – Chuyên viên phòng khách hàng 1 Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh TA (Theo quyết định số 123/QĐ – BIDV.TA ngày 11/02/2020).

(*Bà Hải, bà Phương có mặt, ông Tùng vắng mặt*)

* **Bị đơn:** - Ông Lê Minh Đ. , sinh năm; 1981

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: 50 QS , HB, HK, HN. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Thành phố Hà Nội.

(*Vắng mặt*)

- Bà Đặng Thu H. , sinh năm: 1980

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 1, LPH, TT, HK, HN.

(Vắng mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Đặng Vũ T. , sinh năm: 1953

- Anh Đặng Trung Đ. , sinh năm: 1982

- Bà Trần Thị Hòa B. , sinh năm: 1954

Cùng có HKTT và cư trú tại: số 1 – Phố LPH (106 và 301 ngôi 1), phường TT, quận HK, HN.

(Ông T., anh Trung Đ. xin vắng mặt, bà B. có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 11/2/2020 và quá trình giải quyết vụ án - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/12/2015, Ngân hàng TMCP Đ. - Chi nhánh TA và anh Lê Minh Đ. , chị Đặng Thu H. có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2015/8065970/HĐTD với tổng số tiền vay là 2.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn). Mục đích vay: Bổ sung tiền sửa chữa, mua sắm nội thất cho 02 căn hộ số 301 và 106 tại địa chỉ số 1 LPH, TT, HK, HN. Thời hạn vay: 180 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất ưu đãi trong thời gian 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên từ ngày rút vốn: lãi suất cho vay là 8,5%/năm. Lãi suất cho vay được thả nổi và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày đầu tiên của quý I, Quý III hàng năm theo thông báo của ngân hàng. Tổng số tiền anh Lê Minh Đ. và chị Đặng Thu H. đã vay là 2.500.000.000 đồng.

Sau nhiều lần đôn đốc trả nợ, anh Lê Minh Đ. và chị Đặng Thu H. mới chỉ thanh toán được một phần nợ gốc và nợ lãi, tổng nợ gốc đã trả 624.500.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn và lãi phạt đã trả là 623.998.094 đồng. Do anh Đ. và chị H. không trả được nợ đúng hạn nên khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 20/12/2017 và chuyển nợ nhóm 5 từ ngày 08/11/2018. Cho đến thời điểm ngày 05/3/2021, dư nợ gốc và lãi của anh Lê Minh Đ. và chị Đặng Thu H. cụ thể như sau:

Nợ gốc:	1.255.650.000 đồng
Nợ lãi trong hạn:	132.511.789 đồng
Nợ lãi quá hạn:	354.131.029 đồng
Tổng:	1.742.292.818 đồng

+ Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký giữa các bên trên số nợ gốc cho đến khi trả hết khoản nợ.

Trường hợp ông Lê Minh Đ. và bà Đặng Thu H. không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa bà Trần Thị Hòa B. , ông Đặng Vũ T. với Ngân hàng để thu hồi toàn bộ khoản nợ trên, cụ thể:

+ Quyền sở hữu căn hộ 301 – ngôi 1 – Số 1, LPH, TT, HK, Thành phố HN theo “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở” Hồ sơ gốc số 2630.2000.QĐUB/9518.2000 do UBND thành phố HN cấp ngày 02/6/2000. Chủ tài sản là: Ông Đặng Vũ T. và bà Trần Thị Hòa B.

+ Quyền sở hữu căn hộ 106 – ngôi 1 - Số 1, LPH, TT, HK, Thành phố Hn theo “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở” Hồ sơ gốc số: 11005 do UBND thành phố Hn cấp ngày 15/7/1999. Chủ tài sản là ông Đặng Vũ T. và bà Trần Thị Hòa B.

Ngoài ra Ngân hàng không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai ngày 23/11/2020 và biên bản lấy lời khai ngày cùng ngày, bị đơn – anh Lê Minh Đ. trình bày:

Ngày 10/12/2015, anh cùng vợ là Đặng Thu H. có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2015/8065970/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh TA với tổng số tiền vay là 2.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung tiền sửa chữa, mua sắm nội thất cho 2 căn hộ số 301 và 106 số 1 LPH, TT, HK, HN. Thời hạn vay: 180 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất vay: Theo hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng anh đã trả nợ được một phần nợ gốc và nợ lãi, tổng nợ gốc đã trả 624.000.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 623.998.094 đồng. Thực chất khoản vay này là do nhu cầu của vợ anh và gia đình vợ nên anh không trực tiếp sử dụng. Hiện nay khoản nợ này đã trả và còn nợ bao nhiêu anh không rõ. Anh chỉ ký hợp đồng tín dụng chứ không được nhận tiền giải ngân của ngân hàng. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sở hữu căn hộ 301 và 106 – ngôi 1 – số 1 LPH, phường TT, quận HK, HN. Đây là 2 căn hộ riêng biệt tại tầng 1 và tầng 3 của khu tập thể, đều thuộc quyền sở hữu sử dụng của bố mẹ vợ anh là ông Đặng Vũ T. và bà Trần Thị Hòa B. Hiện nay cả 2 căn hộ này do ông bà trực tiếp quản lý, sử dụng và không có thay đổi gì kể từ khi thế chấp. Anh đã được Tòa án thông báo kết quả em xét thẩm định tại chỗ cả 2 tài sản thế chấp và anh không có ý kiến gì. Ngày 05/08/2018, anh bị bắt tạm giam về hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” hiện đang bị tạm giam tại trại giam số 1 – Công an Hà Nội nên anh đồng ý và đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, các phiên tòa xét xử vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa anh, chị H. và Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh TA. Đề nghị Tòa xét xử vắng mặt anh.

Anh và chị Đặng Thu H. kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn. Chị H. có ĐKKHKT tại số 1 LPH, TT, HK, HN. Khoảng năm 2016,2017 anh và chị Đặng Thu H. đã làm thủ tục ly hôn tại tòa án nhân dân quận HK. Tại bản án ly hôn đã quyết định về phần nợ của hai vợ chồng trong đó có khoản vay nêu trên và anh chị đã thỏa thuận: chị H. phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên, anh không có trách nhiệm gì với

khoản nợ. Do đó, về việc khởi kiện của ngân hàng Đ chi nhánh TA anh không có trách nhiệm gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh và chị H. đã ly hôn nên hiện chị H. đang ở đâu, làm gì anh không biết. Ngoài ra anh không cung cấp gì thêm.

Tại bản tư khai ngày 25/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Đặng Trung Đ. trình bày:

Giữa anh Đ., chị H. với Ngân hàng TMCP Đ, anh không biết gì về quan hệ tín dụng giữa hai bên. Hiện tại anh đang sinh sống tại P106 số 1 LPH, TT, HK, HN. Về hợp đồng thế chấp giữa anh Đ., chị H. và Ngân hàng TMCP Đ (2 căn hộ) thì anh đề nghị ai vay người đầy trả tiền, còn tài sản này của bố mẹ anh. Đây là ý kiến của anh, còn như thế thì anh sẽ theo ý kiến của bố mẹ anh. Do anh bận công việc nên đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc của tòa án, đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Anh đã được thông báo về kết quả xem xét thẩm định 2 tài sản thế chấp và không có ý kiến gì.

Tại bản tư khai ngày 25/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Hòa B. trình bày:

Bà là chủ sở hữu của 2 căn hộ 106 và 301 Tập thể số 1 LPH, HK, HN (cùng với chồng bà là Đặng Vũ T, sinh năm 1952 cùng địa chỉ). Vợ chồng bà có thế chấp 2 căn hộ này để đảm bảo cho khoản vay của chị Đặng Thu H. và anh Lê Minh Đ. Do hiện nay gia đình bà điều kiện kinh tế khó khăn nên bà đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình bà được trả dần khoản nợ gốc và miễn lãi. Cụ thể bà sẽ có đơn gửi Tòa án sau.

Hiện tại chị Đặng Thu H. đang sinh sống tại Mỹ nhưng bà chưa rõ địa chỉ cụ thể chỉ có thể điện thoại và khoản nợ của chị H. bà xin được đứng ra để trả thay cho chị H. Hiện nay anh Đ. đang bị tạm giam tại trại giam số 1 Hà Nội. Anh Đ. và chị H. đã ly hôn khoảng 3 năm.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: xác nhận nội dung tại đơn khởi kiện và bổ sung: Bà B. đã trả thay anh Đ, chị H. số tiền nợ gốc là 819.850.000 đồng. Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký, số tiền tính đến ngày 11/5/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là:

Nợ gốc: 1,055,650,000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 132,511,789 đồng

Nợ lãi quá hạn: 378,703,891 đồng

Tổng cộng gốc và lãi còn phải trả: 1,566,865,680 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu anh Đ. , chị H. phải chịu lãi suất theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký giữa các bên trên số nợ gốc cho đến khi trả hết khoản nợ.

Trường hợp anh Lê Minh Đ. và chị Đặng Thu H. không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp

theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa bà Trần Thị Hòa B, ông Đặng Vũ T. với Ngân hàng để thu hồi toàn bộ khoản nợ trên.

Ngoài ra nguyên đơn không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến:

- Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền của TAND quận Hoàn Kiếm theo quy định tại khoản 3 điều 26 BLTTDS. Tranh chấp này liên quan đến hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Đ và cá nhân anh Lê Minh Đ, chị Đặng Thu H.

Hiện nay anh Lê Minh Đ. đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố Hà Nội. Chị Đặng Thu H. đã xuất cảnh từ 30/01/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Gia đình chị H. chỉ biết chị H. đang ở Mỹ, không biết địa chỉ của chị H. nên không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án, gia đình chị H. cũng đã thông báo cho chị H. về việc ngân hàng TMCP Đ khởi kiện chị H. và anh Đ. về việc tranh chấp HĐTD. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 04/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao thuộc trường hợp đã cung cấp đúng địa chỉ của người bị kiện. Do vậy, Tòa án nhân dân quận HK thụ lý là đúng thẩm quyền theo qui định tại điều 35, 39 BLTTDS.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Hợp đồng tín dụng số 01/2015/8065970/ HĐ ký ngày 10/12/2015 giữa ngân hàng TMCP Đ Việt Nam và anh Lê Minh Đ. , chị Đặng Thu H. là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của luật các tổ chức tín dụng do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Lê Minh Đ. , chị Đặng Thu H. đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết theo hợp đồng đã ký nên ngân hàng TMCP Đ đã có đơn khởi kiện yêu cầu anh Lê Minh Đ. , chị Đặng Thu H. trả nợ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là có cơ sở nên đề nghị được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xác định khoản vay với Ngân hàng TMCP Đ là khoản nợ chung của anh Đ. và chị H. trong thời kỳ hôn nhân.

Xét yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo nêu trên của Ngân hàng nhận thấy:

Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, thực hiện đúng hình thức và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Bằng tài sản hợp pháp của mình, bà Trần Thị Hòa B. , ông Đặng Vũ T. thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của anh Đ. chị H. , do đó hợp đồng thế chấp trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. Trường hợp anh Đ. chị H. , vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo là Quyền sở hữu căn hộ 301 – ngôi 1 – Số 1, LPH, TT, HK, Thành phố HN và Quyền sở hữu căn hộ 106 – ngôi 1 - Số 1, LPH, TT, HK, Thành phố HN để thu hồi khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[I]. Về tố tụng:

1. Về quan hệ pháp luật:

Ngân hàng TMCP Đ và anh Lê Minh Đ. , chị Đặng Thu H. có ký hợp đồng tín dụng số 01/2015/8065970/ HĐ ngày 10/12/2015. Trong quá trình sử dụng vốn vay, do anh Đ. và chị H. không trả được nợ đúng hạn nên khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Đ. , chị H. phải thanh toán toàn bộ khoản nợ. Số tiền tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên do đó quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (gọi tắt là BLTTDS năm 2015).

2. Về thẩm quyền: Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn xuất trình tài liệu chứng minh anh Lê Minh Đ. có hộ khẩu thường trú tại 50, phố QS, phường HB, quận HK, HN; chị Đặng Thu H. có hộ khẩu thường trú tại số 1 – Phố LPH, phường TT, quận HK, HN. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh và thấy rằng: anh Đ. hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố HN về hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Chị H. có hộ khẩu thường trú tại số 1 – Phố LPH, phường TT, quận HK, HN. Thực tế chị H. đã xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay Nội Bài, tuy nhiên không có địa chỉ nơi nhập cảnh. Gia đình chị H. cũng khẳng định không biết và không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H. hiện tại, chỉ biết chị H. thỉnh thoảng có điện thoại về. Khi chị H. điện thoại về có thông báo hiện chị đang ở Mỹ nhưng vì chưa nhập được quốc tịch nên chỉ ở nhờ nhà bạn và không có địa chỉ cụ thể. Bà B. là mẹ đẻ chị H. có thông báo cho chị H. biết về việc Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện vợ chồng chị. Chị H. có nhờ gia đình bố mẹ thu xếp trả nợ thay. Bà B. đã trả cho Ngân hàng 700 triệu đồng thay chị H. . Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015; Điều 5, Điều 6 Nghị Quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và hướng dẫn tại Công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

3. Về thời hạn khởi kiện:

Ngân hàng TMCP Đ và anh Lê Minh Đ. , chị Đặng Thu H. có ký hợp đồng tín dụng số 01/2015/8065970/ HĐ ngày 10/12/2015. Tại hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 180 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Quá trình thực hiện hợp đồng, do anh Đ. và chị H. vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 25/02/2020, ngân hàng TMCP Đ nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận HK. Theo quy định tại điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

4. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Minh Đ. , anh Đặng Trung Đ. , ông Đặng Vũ T. là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên trên là phù hợp với khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015.

Chị Đặng Thu H. là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại số 1 – Phố LPH, phường TT, quận HK, HN. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo đến Tòa làm việc và các Quyết định, Thông báo khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập chị H. đến Tòa án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ. Tuy nhiên chị H. không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Gia đình chị H. cũng khẳng định không biết địa chỉ cụ thể của chị H. hiện tại, chỉ biết chị H. thỉnh thoảng có điện thoại về. Khi chị H. điện thoại về thì bà B. (là mẹ đẻ chị H.) có thông báo cho chị H. biết về việc khởi kiện của ngân hàng. Do đó Tòa án đã niêm yết hợp lệ các quyết định, thông báo và các văn bản của Tòa án đối với chị H. theo quy định. Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 09h00 ngày 30/3/2021 nhưng chị H. vắng mặt không có lý do. Tòa án đã có Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định lịch xét xử vào hồi 09h00' ngày 22/4/2021. Tại phiên tòa ngày 22/4/2021, chị H. vắng mặt không có lý do, bà B. xin có đơn xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử đã có Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định lịch xét xử vào hồi 09h00' ngày 11/5/2021. Tại phiên tòa hôm nay, chị H. vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[II]. Về nội dung vụ án:

1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Ngày 10/12/2015, Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh TA (sau đây gọi tắt là ngân hàng Đ) do ông Huỳnh Thanh T., Phó Giám đốc là đại diện và anh Lê Minh Đ. , chị Đặng Thu H. có ký hợp đồng tín dụng số 01/2015/8065970/ HĐ có nội dung ngân hàng cho anh Đ. , chị H. vay số tiền 2,5 tỷ đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự có mặt đều công nhận việc ký kết Hợp đồng tín dụng trên là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, đúng chủ thể tham gia ký kết hợp đồng nên Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

1.2. Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng trên, ngày 25/11/2015 ngân hàng Đ đã giải ngân cho anh Đ. , chị H. số tiền là 2,5 tỷ đồng theo ủy nhiệm chi số 0135 ngày 16/12/2015 và bảng kê rút vốn cùng ngày. Anh Đ. , chị H. đã trả được tổng nợ gốc là 624.500.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn và lãi phạt đã trả là 623.998.094 đồng. Sau đó anh Đ. , chị H. vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng Đ đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh chị trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.549.123.008 đồng. Sau đó bà B. là mẹ đẻ chị H. trả thay chị H. , anh Đ. số tiền nợ gốc là: 819.850.000 đồng. Hiện nay anh

Đ. , chị H. còn nợ gốc là: 1,055,650,000 đồng. Đối chiếu với khoản nợ gốc đã giải ngân và số tiền nợ gốc đã trả (anh Minh Đ. và bà B. xác nhận số tiền gốc đã trả đúng như Ngân hàng trình bày) nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2020, anh Đ. khai: thực chất khoản vay này là do nhu cầu của chị H. và gia đình chị H. , anh chỉ ký hợp đồng tín dụng chứ không nhận được tiền giải ngân của ngân hàng và không trực tiếp sử dụng nhưng anh Minh Đ. không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Năm 2017 anh và chị H. đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án quận HK. Theo anh Đ. , tại bản án ly hôn đã quyết định về phần nợ của 02 vợ chồng trong đó có khoản vay trên và anh chị đã thỏa thuận: Chị H. chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên nên anh không có trách nhiệm gì đối với khoản nợ này. Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã quyết định: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thu H. đối với anh Lê Minh Đ. , chị H. được ly hôn anh Đ. . Về công nợ chung: Anh chị không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Như vậy lời khai của anh Minh Đ. là phần nợ này Tòa án đã giải quyết và chị H. chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ là không có cơ sở. Căn cứ Điều 27, Điều 37, Điều 60 – Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử buộc chị H. và anh Đ. phải cùng có nghĩa vụ trả khoản nợ gốc theo đơn khởi kiện của ngân hàng TMCP Đ số tiền là: 1,055,650,000 đồng.

1.3. Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu anh Đ. , chị H. trả số tiền nợ lãi tính đến ngày 11/5/2021, lãi trong hạn là: 132,511,789 đồng, nợ lãi quá hạn: 378,703,891 đồng.

Xét tại Hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận lãi suất như sau: Áp dụng lãi suất ưu đãi trong thời gian 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên từ ngày rút vốn: lãi suất cho vay là 8,5%/năm. Sau thời gian ưu đãi lãi suất cho vay được thả nổi và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày đầu tiên của quý I, Quý III hàng năm theo thông báo của ngân hàng TMCP Đ chi nhánh TA. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh – nếu có) nêu tại điểm a khoản 4 của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng xác nhận số nợ lãi đã tính theo đúng thỏa thuận trên. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi suất là sự tự nguyện của các bên, số tiền lãi trong hạn và quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc, thời gian quá hạn nhân với lãi suất vay theo đúng quy định của pháp luật. Thỏa thuận lãi suất của các bên tại hợp đồng và các quyết định về mức lãi suất từng thời điểm của ngân hàng phù hợp với số liệu thể hiện tại bảng tính tổng hợp gốc lãi Ngân hàng xuất trình cho Tòa án. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu anh Minh Đ. , chị H. thanh toán số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc trên là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Minh Đ. và chị H. phải trả cho ngân hàng số tiền lãi trong hạn là: 132,511,789 đồng, lãi quá hạn: 378,703,891 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu anh Đ. , chị H. tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ngân hàng TMCP Đ đề nghị: Trường hợp ông Lê Minh Đ. và bà Đặng Thu H. không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa bà Trần Thị Hòa B. , ông Đặng Vũ T. với Ngân hàng để thu hồi toàn bộ khoản nợ trên, cụ thể:

+ Quyền sở hữu căn hộ 301 – ngôi 1 – Số 1, LPH, TT, HK, Thành phố HN theo “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở” Hồ sơ gốc số 2630.2000.QĐUB/9518.2000 do UBND thành phố HN cấp ngày 02/6/2000. Chủ tài sản là: Ông Đặng Vũ T. và bà Trần Thị Hòa B. .

+ Quyền sở hữu căn hộ 106 – ngôi 1 - Số 1, LPH, TT, HK, Thành phố HN theo “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở” Hồ sơ gốc số: 11005 do UBND thành phố HN cấp ngày 15/7/1999. Chủ tài sản là ông Đặng Vũ T. và bà Trần Thị Hòa B. .

Hội đồng xét xử xét thấy:

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên, bà Trần Thị Hòa B. , ông Đặng Vũ T. đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 3197/2015/HĐTC, quyền số 32/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2015 và Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 3198/2015/HĐTC, quyền số 32/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2015 tại Văn phòng công chứng Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội thế chấp Quyền sở hữu căn hộ 301 – ngôi 1 – Số 1, LPH, TT, HK, Thành phố HN và Quyền sở hữu căn hộ 106 – ngôi 1 - Số 1, LPH, TT, HK, Thành phố HN để đảm bảo cho khoản vay của anh Đ. , chị H. . Tại thời điểm thế chấp, bà Trần Thị Hòa B. , ông Đặng Vũ T. là chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản thế chấp nêu trên theo “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở” Hồ sơ gốc số 2630.2000.QĐUB/9518.2000 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 02/6/2000 và “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở” Hồ sơ gốc số: 11005 do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/7/1999 cho ông Đặng Vũ T. và bà Trần Thị Hòa B. .

Tại điểm a khoản 1 Điều 4 trong các Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba, bên thế chấp là ông Đặng Vũ T. và bà Trần Thị Hòa B. đồng ý “*dùng toàn bộ tài sản thế chấp nêu tại Điều 2 Hợp đồng này để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng..... bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại... và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác*”. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Hiện trạng tài

sản thế chấp các bên xác nhận không có thay đổi gì, vẫn giữ nguyên hiện trạng kể từ thời điểm ký hợp đồng thế chấp cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, hình thức và nội dung thế chấp về chủ thể thế chấp tài sản, chủ sở hữu tài sản thế chấp, quyền sở hữu tài sản thế chấp, thủ tục ký kết hợp đồng thế chấp được thực hiện tại Văn phòng công chứng Hoàn Kiếm do công chứng viên Đỗ Tràng Cự ký xác nhận. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm giữa ngân hàng Đ và ông T. , bà B. thực hiện theo đúng các quy định tại khoản 4 Điều 323 của BLDS 2005, điểm a khoản 1 điều 12; điểm c khoản 1 điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP về Giao dịch bảo đảm ngày 29/12/2006; nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, buộc các bên phải thi hành. Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên xử Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi kê biên phát mại, xử lý tài sản đảm bảo, ông T. , bà B. và các con cháu, cá nhân tổ chức khác hiện có hộ khẩu thường trú, ăn ở sinh sống tại tài sản thế chấp phải chấp hành.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Lê Minh Đ. và chị Đặng Thu H. phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận.

Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 180; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị Quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ khoản 4 Điều 323 - Bộ luật Dân sự năm 2005

- Căn cứ Điều 427, điểm d, khoản 1 Điều 688 - Bộ luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ Điều 27, Điều 37, Điều 60 – Luật hôn nhân và gia đình

- Điều 95 - Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 - Luật phí và lệ phí 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án điểm d khoản 1.4 Điều 1 Mục II - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với anh Lê Minh Đ. và chị Đặng Thu H. .

2. Buộc anh Lê Minh Đ. và chị Đặng Thu H. phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/8065970/HĐ ngày 10/12/2015 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/5/2021) là:

Nợ gốc: 1,055,650,000 đồng
Nợ lãi trong hạn: 132,511,789 đồng
Nợ lãi quá hạn: 378,703,891 đồng
Tổng cộng: 1,566,865,680 đồng.

(Một tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm sáu lăm nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

Anh Lê Minh Đ. và chị Đặng Thu H. tiếp tục phải thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên kể từ ngày kế tiếp ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Trường hợp anh Lê Minh Đ. và chị Đặng Thu H. không trả được khoản nợ trên, Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản bảo đảm là:

+ Quyền sở hữu căn hộ 301 – ngôi 1 – Số 1, LPH, TT, HK, Thành phố HN theo “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở” số 2630.2000.QĐUB, hồ sơ gốc số: 9518.2000 do UBND Thành phố HN cấp ngày 02/6/2000 cho ông Đặng Vũ T. và bà Trần Thị Hòa B. theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 3197/2015/HĐTC, quyền số 32/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2015 tại Văn phòng công chứng HK, Thành phố HN và Quyền sở hữu căn hộ 106 – ngôi 1 - Số 1, LPH, TT, HK, Thành phố HN theo “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở” Hồ sơ gốc số: 11005 do UBND thành phố HN cấp ngày 15/7/1999 cho ông Đặng Vũ T. và bà Trần Thị Hòa B. theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 3198/2015/HĐTC, quyền số 32/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2015 tại Văn phòng công chứng Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội để thu hồi toàn bộ khoản nợ nêu trên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Lê Minh Đ. và chị Đặng Thu H. phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 59.005.000 đồng. Mỗi người phải chịu ½ số tiền án phí, cụ thể: Anh Đ. , chị H. mỗi người phải chịu 29.502.500đ *(hai chín triệu năm trăm linh hai nghìn năm trăm đồng).*

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.447.702 (ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn bảy nghìn bảy trăm linh hai đồng) theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/0017828 ngày 03/08/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà Nguyễn Thị H, bà Cao Kim P. đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ, bà Trần Thị Hòa B. . Vắng mặt anh Lê Minh Đ. , chị Đặng Thu H. , anh Đặng T. Đ. , ông Đặng Vũ T. .

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo đối với phần quyết định của bản án có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hoàn Kiếm;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Hoàn Kiếm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hồng Hạnh